TÁC ĐỘNG CỦA PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN QUẢN TRỊ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Bất*, Nguyễn Xuân Thu**

Ngày nhận: 11/9/2015
Ngày nhận bản sửa: 27/11/2015
Ngày duyệt đăng: 25/01/2016

Tóm tắt:

Hoàn thiện việc phân cấp quản lý ngân sách nhà nước (NSNN) là một trong những nội dung quan trọng của cải cách tài chính công ở Việt Nam. Phân cấp quản lý ngân sách phù hợp với bối cảnh từng quốc gia sẽ giúp cải thiện phúc lợi xã hội, cải thiện kinh tế vĩ mô và chất lượng quản trị nhà nước. Bài viết này sử dụng phương pháp hồi qui dữ liệu bảng để đánh giá mức độ tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến quản trị nhà nước của chính quyền địa phương ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước cho các cấp chính quyền địa phương có tác động tích cực đến quản trị nhà nước, nhưng từng cấp ngân sách trong ngân sách địa phương lại có tác động khác nhau đến quản trị nhà nước của chính quyền địa phương.

Từ khóa: Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; quản trị nhà nước; chính quyền trung ương; chính quyền địa phương; hiệu quả và công bằng

Impact of fiscal decentralization on the governance of local governments in Vietnam

Abstract:

Fiscal decentralization is the key to financial reform in Vietnam. A good decentralization strategy will improve social welfare, macroeconomic and governance quality. This article uses panel data analysis to explore the impact of fiscal decentralization on the governance of local authorities in Vietnam. Research results show that fiscal decentraliztion has a positive impact on governance of local authorities, while decentralization at different levels of local government has different impacts on governance of local authorities.

Keywords: Fiscal decentralization; governance; central government; local government; effectiveness and equality.

1. Giới thiệu

Quản trị nhà nước là cách thức nhà nước thực thi quyền lực thông qua các thể chế chính thức và phi chính thức nhằm quản trị các nguồn lực được giao. Ở Việt Nam, thuật ngữ *quản lý nhà nước* được sử dụng rộng rãi nhưng thuật ngữ *quản trị nhà nước* lại khá mới mẻ. Theo Ngân hàng thế giới, quản trị nhà nước có phạm vi rộng hơn so với quản lý nhà nước. Khi nói đến quản lý nhà nước, các nội dung thường được đề cập là: xác định và phân định thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức thực hiện thẩm quyền, tổ chức bộ máy, qui trình hành chính và con người. Trong khi đó, thuật ngữ quản trị nhà nước thường có các nội dung: xác định nguồn lực và tài nguyên giao phó cho các cấp chính quyền nhà nước, tổ chức quản trị các tài nguyên đó bằng các thể chế chính thức và phi chính thức, đảm bảo quyền tham gia giám sát của người dân.

Phân cấp là sự chuyển giao thẩm quyền và trách nhiệm của chính quyền trung ương (CQTƯ) cho chính quyền địa phương (CQĐP) trên ba khía cạnh: chính trị, hành chính và ngân sách. Trong đó, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước là việc chuyển giao các thẩm quyền liên quan đến quản lý ngân sách,

bao gồm cả thẩm quyền quản lý và thẩm quyền quyết định đến các nguồn thu và nhiệm vụ chi tiêu từ chính quyền trung ương cho các cấp chính quyền bên dưới. Theo đó, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước có hàm ý rằng đó là quá trình điều chỉnh, sắp xếp lại các mối quan hệ và trách nhiệm giữa các cấp chính quyền, qua đó phân bổ các nguồn lực công một cách tối ưu giữa các cấp chính quyền.

Lý thuyết phân cấp quản lý ngân sách nhà nước tập trung giải thích cơ chế tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến nền kinh tế - xã hội và được chia thành các nhánh: lý thuyết của Mugrave - Oates dựa trên cách tiếp cận chuẩn tắc về hiệu quả và công bằng; lý thuyết của Brenna-Buchana giải thích phân cấp quản lý ngân sách nhà nước dưới góc độ của lý thuyết lựa chọn công. Mặc dù có các cách tiếp cận khác nhau, nhưng các lý thuyết này đều cho rằng phân cấp nhiều hơn cho các cấp chính quyền thấp nhất sẽ thúc đẩy tăng trưởng, giảm đói nghèo và bất bình đẳng thông qua việc phân bổ nguồn lực hiệu quả, cải thiện chất lượng quản trị nhà nước của chính quyền các cấp.

Tại Việt Nam, trong bối cảnh khá đặc biệt của một nền kinh tế đang chuyển đổi với mô hình nhà nước thống nhất, các nghiên cứu về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước chủ yếu tập trung phân tích thực trạng các nội dung của phân cấp nhằm tìm ra các giải pháp cải thiện hệ thống phân cấp quản lý ngân sách nhà nước trong từng giai đoạn nhất định. Bên cạnh đó, các nghiên cứu về tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước chỉ mới tập trung vào tác động trực tiếp của phân cấp đến tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo nhưng lại thiếu vắng các nghiên cứu về tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến quản trị nhà nước và ổn định kinh tế vĩ mô. Với "độ trễ" của các số liệu về ngân sách nhà nước ở nước ta, bài viết này nhằm đánh giá tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến quản trị nhà nước của chính quyền địa phương trong bối cảnh Việt Nam, giai đoạn từ 2003- 2012.

2. Tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến quản trị nhà nước của chính quyền địa phương

Luận bàn về mối quan hệ giữa phân cấp quản lý ngân sách nhà nước với quản trị nhà nước của chính quyền địa phương, các nhà nghiên cứu thường cho rằng phân cấp quản lý ngân sách nhà nước có ảnh hưởng tích cực đến quản trị nhà nước của chính quyền địa phương do ba nguyên nhân sau:

Thứ nhất, lý thuyết cổ điển về phân cấp cho rằng chính quyền địa phương sẽ có thông tin tốt hơn về tình hình cụ thể của địa phương và họ dễ dàng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của người dân địa phương. Do đó, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước làm tăng phúc lợi và chất lượng quản trị nhà nước (Oates, 1999 và 2005) Xét về mặt qui mô, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước làm gia tăng chi tiêu cung cấp dịch vụ công của chính phủ, đem lại phúc lợi cao hơn cho người dân.

Thứ hai, phân cấp ảnh hưởng đến hành vi và thái độ của các nhà lãnh đạo địa phương. Các cử tri sẽ bỏ phiếu lựa chọn người lãnh đạo thông qua nhận thức của họ về chất lượng của chính quyền trong nhiệm kỳ trước. Vì vậy, những người lãnh đạo chính quyền sẽ phải cải thiện chất lượng quản trị nhà nước của chính quyền địa phương nhằm giành chiến thắng trong cuộc bầu cử tiếp theo (Seabright, 1996; Bardhan & Mookherjee, 1998).

Thứ ba, phân cấp cũng ảnh hưởng đến hiệu suất của chính quyền thông qua cạnh tranh giữa các chính quyền địa phương. Tiebout (1956) cho rằng các cử tri sẽ bỏ phiếu cho các gói hàng hóa công cộng và các loại thuế mà họ thích. Brennan & Buchanan (1980) với giả thuyết về chính phủ Leviathan, cho rằng phân cấp quản lý ngân sách nhà nước là điều kiện để các địa phương nỗ lực, cải thiện chất lượng quản trị nhà nước của chính quyền địa phương, thậm chí là phá rào trong thực thi chính sách của trung ương nhằm đạt được các mục tiêu của mình.

Bên cạnh các kết luận về tác động tích cực của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến quản trị nhà nước của chính quyền địa phương, cũng có nhiều nghiên cứu đưa ra các ý kiến ngược lại cho thấy sự không chắc chắn trong tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến quản trị nhà nước của chính quyền địa phương. Cụ thể:

Một là, cạnh tranh giữa các chính quyền địa phương có thể dẫn đến cuộc đua giảm thuế (hoặc phí) để thu hút các doanh nghiệp, theo đó, hoặc là thuế, hoặc là chi tiêu công sẽ bị đẩy xuống dưới mức tối ưu xã hội. Khi nhiều nguồn lực ở địa phương có khả năng di chuyển – ví dụ như vốn, cạnh tranh là nguyên nhân làm cho các yếu tố này di chuyển từ địa phương có mức thuế cao sang nơi có mức thuế thấp. Theo đó, có nhiều chính quyền địa phương có thể thu không đủ để tài trợ cho việc cung cấp các hàng hóa công cộng cơ bản (Oates, 1999).

Hai là, đẩy mạnh phân cấp quản lý ngân sách nhà nước có thể dẫn đến gia tăng qui mô và chi phí quản lý hành chính. Nghiên cứu của Martínez-Vazquez & Yao (2009) cho thấy phân cấp làm gia tăng số lao động ở cấp chính quyền địa phương và lấn át mức giảm lao động ở chính quyền trung ương.

Ba là, việc cải thiện hiệu quả phân bổ nguồn lực công khi phân cấp quản lý ngân sách nhà nước có thể không đạt được nếu chính quyền địa phương có năng lực yếu kém. Tham nhũng có thể tăng lên khi thực hiện phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển, do phân cấp tạo ra nhiều cơ hội tham nhũng hơn trong khi làm suy yếu hoạt động giám sát, kiểm soát của các cơ quan trung ương đối với các địa phương (Tanzi, 1995).

3. Giả thuyết nghiên cứu

Như phần trên đã đề cập, khi phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước nhiều hơn cho chính quyền địa phương sẽ giúp cải thiện cung cấp hàng hóa công cộng, thực thi thể chế và hiệu suất của bộ máy hành chính, tuy nhiên điều này phụ thuộc vào sự cạnh tranh giữa các chính quyền địa phương, năng lực của chính quyền địa phương. Trong trường hợp Việt Nam, hệ thống phân cấp quản lý ngân sách nhà nước được cho là có ảnh hưởng đến chất lượng quản trị nhà nước của chính quyền địa phương, đồng thời năng lực của các chính quyền địa phương của Việt Nam là hạn chế nên các giả thuyết đầu tiên của chúng tôi như sau: (1a) *Phân cấp chi ngân sách nhiều hơn sẽ có tác động tích cực đến cung cấp dịch vụ công của chính quyền địa phương;* (1b) *Phân cấp chi ngân sách nhiều hơn sẽ có tác động tiêu cực đến thực thi thể chế của chính quyền địa phương;* (1c) *Phân cấp chi ngân sách nhiều hơn sẽ có tác động tiêu cực đến hiệu suất bộ máy hành chính.*

Việc trao quyền sở hữu các nguồn thu cho chính quyền địa phương nhằm đảm bảo khả năng tài trợ cho các nhiệm vụ chi sẽ tạo ra động lực, thúc đẩy chính quyền địa phương tiết kiệm, hướng đến mục tiêu quản lý tốt hơn. Tuy nhiên, nó cũng tiềm ẩn nguy cơ gia tăng tham nhũng, đặc biệt ở các địa phương nghèo, có trình độ dân trí thấp. Do đó, các giả thuyết tiếp theo của chúng tôi là: (2a) *Mức độ tự chủ ngân sách có tác động tích cực đến cung cấp dịch vụ công của chính quyền địa phương*; (2b) *Mức độ tự chủ ngân sách có tác động tích cực đến thực thi thể chế ở chính quyền địa phương*. (2c) *Mức độ tự chủ ngân sách có tác động tích cực đến hiệu suất hành chính ở chính quyền địa phương.*

4. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Dữ liệu

Mẫu quan sát sử dụng trong nghiên cứu này là 62 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trong đó, dữ liệu về thu chi ngân sách các địa phương là số công khai quyết toán ngân sách từ năm 2004 đến năm 2012. Dữ liệu về GDP, vốn đầu tư ngoài nhà nước các địa phương là số liệu thống kê công bố của Tổng cục thống kê từ năm 2004 đến năm 2012. Dữ liệu về dân số và tỷ lệ chết của trẻ dưới 1 tuổi là dữ liệu năm 2005 và giai đoạn 2008 - 2012 và cũng là số thống kê của Tổng Cục thống kê. Dữ liệu về quản trị nhà nước của các chính quyền địa phương được lấy từ bộ dữ liệu PCI Việt Nam – Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh từ năm 2006 đến năm 2012.

4.2. Mô tả biến

4.2.1. Đo lường mức độ phân cấp quản lý ngân sách nhà nước

Một chính phủ được coi là phân cấp quản lý ngân sách nhà nước nhiều hơn khi các cấp chính quyền bên dưới có nhiều quyền kiểm soát hơn về chi ngân sách, hay tỷ lệ chi tiêu của các chính quyền cấp dưới tăng lên. Theo đó, chúng tôi sử dụng tỷ lệ chi tiêu ngân sách địa phương (NSĐP), chi ngân sách cấp tỉnh, chi ngân sách cấp huyện theo GDP địa phương để phản ánh mức độ phân cấp chi ngân sách giữa các địa phương.

Mức độ phân cấp quản lý ngân sách nhà nước còn liên quan đến mức độ tự chủ ngân sách của chính quyền địa phương. Bài viết này sử dụng tỷ lệ thu ngân sách theo phân cấp của ngân sách địa phương so với chi thường xuyên ngân sách địa phương, tỷ lệ thu ngân sách theo phân cấp của ngân sách cấp tỉnh so với chi thường xuyên của cấp tỉnh và tỷ lệ thu ngân sách theo phân cấp của ngân sách cấp huyện so với chi ngân sách huyện để phản ánh mức độ tự chủ ngân sách hay mức độ mất cân bằng ngân sách theo chiều dọc của chính quyền địa phương nói chung, chính quyền cấp tỉnh và chính quyền cấp huyện nói riêng trong quản lý ngân sách.

4.2.2. Đo lường quản trị nhà nước của chính quyền địa phương

Trong nghiên cứu này chúng tôi xem xét quản trị nhà nước của chính quyền địa phương theo các nhóm chính: chất lượng dịch vụ công, chất lượng thể chế và hiệu suất bộ máy hành chính như đo lường của Jeff Huther & Anwar Shah (1998). Tương tự như nghiên cứu của Estach & Shinha (1995),

Bardhan & Mookherjee (2006), Khaleghian (2003), nhóm tác giả sử dụng hai chỉ số đại diện là đào tạo lao động và tỷ suất chết của trẻ dưới 1 tuổi trên 1000 dân để đánh giá hiệu quả cung cấp dịch vụ công. Các giá trị cao hơn của biến Edu đại diện cho việc cung cấp dịch vụ giáo dục tốt hơn. Giá trị thấp hơn của biến Imr đại diện cho việc cung cấp dịch vụ y tế tốt hơn. Đối với chất lượng thể chế của chính quyền địa phương, chúng tôi đánh giá trên các khía cạnh bao gồm: tham nhũng, tính minh bạch trong quản lý, bảo vệ quyền sở hữu đất đai. Đối với hiệu suất của bộ máy hành chính, nghiên cứu lựa chọn chỉ số chi phí thời gian mà các doanh nghiệp phải chịu trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước làm đại diện. Các chỉ số nói trên đều là chỉ số phụ của PCI Việt Nam từ năm 2006-2012, được xây dựng từ dữ liệu phỏng vấn gần 10.000 doanh nghiệp, trong đó giá trị cao hơn của các biến đại diện phản ánh chất lượng tốt hơn của quản trị nhà nước.

4.2.3. Biến kiểm soát

Để kiểm soát các đặc điểm qui mô dân cư mà các chính quyền chịu trách nhiệm quản lý, chúng tôi sử dụng biến dân số của địa phương (biến PoPro) với giá trị càng cao phản ánh mức độ khó khăn hơn trong quản trị nhà nước của chính quyền địa phương. Dữ liệu biến này được lấy từ số liệu thống kê về dân số và việc làm của Tổng cục thống kê từ năm 2005-2012.

Nhằm kiểm soát sự khác biệt về mức độ sáng tạo của các chính quyền địa phương, chúng tôi sử dụng biến năng động của lãnh đạo địa phương (biến ProAct) làm đại diện. Giá trị của biến này cao phản ánh mức độ năng động của chính quyền địa phương trong việc thực thi các chính sách của chính quyền trung ương. Biến này được lấy từ số liệu chỉ số thành phần của PCI Việt Nam giai đoạn 2006 -2012.

Tương tự như Fisman & Gatti (2000), để kiểm soát đặc điểm xã hội của từng địa phương, nhóm tác giả sử dụng biến dân trí (biến Literacy), được suy ra từ tỷ lệ người biết chữ trong tổng số người trên 15 tuổi. Nghiên cứu này sử dụng số liệu thống kê về dân số và việc làm của Tổng cục thống kê từ năm 2005-2012.

Cũng để kiểm soát điều kiện phân cấp thị trường của từng địa phương, theo gợi ý trong nghiên cứu của Adam & cộng sự (2008), chúng tôi sử dụng biến qui mô khu vực tư nhân được suy ra từ tỷ lệ giữa vốn đầu tư tư nhân và GDP (biến CapGdp) để phản ánh độ mở về nguồn lực tư nhân của kinh tế địa phương và được coi là biến ngoại sinh đối với quản trị nhà nước. Giá trị của biến này càng cao phản ánh qui mô của khu vực tư nhân càng cao.

4.3. Mô hình thực nghiệm

Để phân tích tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến chất lượng quản trị nhà nước của các cấp chính quyền địa phương, chúng tôi bắt đầu với mô hình hồi qui đơn giản bằng cách ước lượng riêng rẽ từng chỉ số đo lường hiệu quả quản trị nhà nước của chính quyền địa phương theo từng biến phân cấp quản lý ngân sách nhà nước ở các cấp chính quyền địa phương, cụ thể:

$$y_{i,t} = \alpha_0 + \alpha_1 X_{i,t} + \alpha_2 Z_{i,t} + u_{i,t}$$

Trong đó:

- Biến $y_{i,t}$ là chất lượng quản trị nhà nước của chính quyền địa phương i;

- Biến $X_{i,t}$ đo lường phân cấp quản lý ngân sách địa phương i;

- Biến $Z_{i,t}$ là biến kiểm soát;

- $u_{i,t}$ là sai số có phân phối chuẩn, biến thiên theo i và t.

Các mô hình được hồi qui theo 3 cách: hồi qui bình phương bé nhất (POLS), tác động cố định (FE-Fixed Effect) và tác động ngẫu nhiên (RE- Random Effect). Để xác định mô hình hồi qui nào là phù hợp nhất trong 3 cách nói trên, nhóm tác giả sử dụng kiểm định Lagrangian Multiplier - LM test (Breusch & Pagan, 1980) lựa chọn giữa mô hình POLS hay RE. Tiếp theo, nếu kết quả của LM test bác bỏ giả thuyết Ho, chúng tôi chọn RE và tiếp tục sử dụng kiểm định Hausman (Hausman, 1978) để so sánh mô hình RE và FE và đưa ra mô hình thích hợp. Để tăng tính hiệu quả của các mô hình lựa chọn, chúng tôi thực hiện kiểm định Wald test cho phương sai thay đổi (đối với mô hình FE) và kiểm định Wooldridge test cho tự tương quan. Do các kiểm định này cho thấy xuất hiện hiện tượng tự tương quan trong một số mô hình nên để xử lý chúng tôi đã dùng mô hình hồi qui với điều chỉnh sai số chuẩn.

5. Kết quả nghiên cứu

5.1. Mô tả thống kê và phân tích ma trận tương quan

Bảng 1 cho thấy giá trị bình quân và độ lệch chuẩn của các biến nghiên cứu. Đáng chú ý hệ số tương quan của hầu hết các biến độc lập là khá thấp (nhỏ hơn 0.5). Tuy nhiên, hệ số tương quan giữa các biến phân cấp ngân sách nhà nước là cao (trên 0.8)

Bảng 1: Trung bình, độ lệch chuẩn và tương quan giữa các biến

	M	S.D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1.Edu	4.96	1.01	1															
2. Imr	18.7	8.94	-0.33[a]	1														
3.CostInf	6.75	1.12	0.04	-0.20[a]	1													
4.LandA	5.89	1.19	-0.04	-0.03	0.36[a]	1												
5.Transp	5.69	1.02	0.34[a]	-0.24[a]	0.14[a]	0.13[a]	1											
6.Time	6.32	0.92	0.22[a]	-0.27[a]	-0.09	0.16[a]	0.25[a]	1										
7.ExpGdp	0.32	0.24	-0.24[a]	0.66[a]	-0.08[a]	-0.16[a]	-0.13[a]	-0.29[a]	1									
8. Vim	0.15	0.13	0.49[a]	-0.54[a]	-0.05	-0.18	0.29[a]	0.35[a]	-0.44[a]	1								
9.ExpPro	0.13	0.10	-0.12[b]	0.61[a]	-0.08[a]	-0.22[a]	-0.13[a]	-0.21[a]	0.88[a]	-0.29[a]	1							
10.VimPro	0.92	0.70	0.34[a]	-0.52[a]	0.095	0.015[b]	0.24[a]	-0.21[a]	-0.51[a]	0.70[a]	-0.52[a]	1						
11.ExpDis	0.58	0.39	-0.36[a]	0.75[a]	-0.06[b]	-0.16[a]	-0.19[a]	-0.35[a]	0.95[a]	-0.53[a]	0.82[a]	-0.51[a]	1					
12.VimDis	0.30	0.14	0.38[a]	-0.46[a]	-0.03	-0.004	0.18[a]	0.31[a]	-0.52[a]	0.56[a]	-0.44[a]	0.51[a]	0.55[a]	1				
13.ProAct	5.05	1.55	0.29[a]	-0.16[a]	0.26[a]	0.36[a]	0.41[a]	0.25[a]	-0.27[a]	0.30[a]	-0.19[a]	0.27[a]	-0.34[a]	0.22[a]	1			
14.CapGdp	0.25	0.12	0.01	-0.03	-0.1[b]	-0.05	0.05	0.06[a]	0.12[a]	0.01[a]	0.17[a]	-0.04[a]	0.08[a]	-0.00[a]	-0.12	1		
15.PoPro	1248	972	0.18[a]	-0.51[a]	-0.003	-0.09	0.13[b]	0.16[a]	-0.51[a]	0.43	-0.62[a]	0.50	-0.47	0.47	-0.01[b]	-0.18[a]	1	
16.Literacy	91.5	7.93	0.34[a]	-0.6[a]	0.02	-0.19[a]	0.14[b]	0.15[a]	-0.3[a]	0.51[a]	-0.26[a]	0.37[a]	-0.37[a]	0.40[a]	-0.07	0.11[a]	0.45	1

Ghi chú: [a]: ý nghĩa thống kê 1%; [b]: ý nghĩa thống kê 5%.

làm nảy sinh hiện tượng đa cộng tuyến. Để khắc phục điều này chúng tôi sẽ ước lượng tác động của phân cấp ngân sách nhà nước đến quản trị nhà nước theo từng biến phân cấp riêng lẻ. Hơn nữa, để xác định đa cộng tuyến giữa các biến độc lập còn lại có tồn tại hay không, chúng tôi sử dụng kiểm định phóng đại phương sai (VIF) để kiểm tra. Kết quả cho thấy, tất cả các hệ số đều nhỏ hơn 10, phản ánh hiện tượng đa cộng tuyến không xảy ra trong bộ số liệu nghiên cứu.

5.2. Kết quả hồi qui

5.2.1. Tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến cung ứng dịch vụ công

Tác động đến cung ứng dịch vụ đào tạo lao động

Trong mô hình hồi qui (1) và (2), phân cấp thu và chi ngân sách địa phương đều có tác động dương đến dịch vụ lao động với hệ số lần lượt là 2,288 và 0,619. Kết quả này phản ánh ưu tiên chi cho dịch vụ giáo dục của chính quyền địa phương nói chung khi có sự gia tăng nguồn lực. Tuy nhiên, tại từng cấp ngân sách địa phương thì kết quả tác động có sự khác nhau, cụ thể: phân cấp chi ngân sách cấp tỉnh và phân cấp thu ngân sách huyện có tác động dương đến chất lượng cung cấp dịch vụ đào tạo lao động, trong khi đó phân cấp thu ngân sách cấp tỉnh và phân cấp chi ngân sách cấp huyện không có tác động đến đào tạo lao động. Như vậy, tăng phân cấp chi cho ngân sách địa phương nói chung sẽ giúp cải thiện chất lượng cung ứng dịch vụ đào tạo lao động, nhưng tăng phân cấp chi cho ngân sách huyện, xã sẽ không có tác động. Bên cạnh đó, nếu gia tăng phân cấp nguồn thu cho các cấp chính quyền địa phương sẽ có tác động tích cực đến cung ứng dịch vụ giáo dục. Kết luận này cũng phù hợp với thực tế là nhiệm vụ chi cho đào tạo lao động ở các địa phương thường được giao chủ yếu cho chính quyền cấp tỉnh, đồng thời khi phân bổ ngân sách hàng năm thường được thực hiện theo một tỷ lệ "cứng". Vì vậy, phân cấp chi ngân sách nhiều hơn cho cấp huyện, xã sẽ không giúp cải thiện chất lượng cung ứng dịch vụ đào tạo lao động. Tuy nhiên, khi mức độ tự chủ nguồn thu cao hơn hay các cấp chính quyền địa phương có khả năng "tự quyết" về ngân sách nhiều hơn sẽ giúp cải thiện chất lượng cung ứng dịch vụ đào tạo về lao động.

Sự năng động của lãnh đạo địa phương và dân trí có tác động tích cực đến đào tạo lao động của địa phương. Đầu tư tư nhân không có tác động và dân số không có tác động đến đào tạo lao động.

- Tác động đến cung ứng dịch vụ y tế

Kết quả hồi qui cho thấy, các biến chi tiêu và tự chủ ngân sách của các cấp chính quyền địa phương có tác động mạnh đến tỷ suất chết của trẻ dưới 1 tuổi. Cụ thể, chi ngân sách địa phương và chi ngân sách cấp huyện có tác động âm tới tỷ suất chết của trẻ dưới 1 tuổi với hệ số lần lượt là 2,64 và 24,76. Phát hiện này là đáng quan tâm khi mức độ phân cấp chi y tế cho ngân sách cấp huyện là khá thấp và có xu hướng giảm dần ở một số địa phương.

Một điểm đáng chú ý là dân số các địa phương

Bảng 2: Tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến đào tạo lao động

	Đào tạo lao động (Edu)					
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Phân cấp chi NSĐP (ExpGdp)	2.288532** (0.9319827)					
Phân cấp thu NSĐP (Vim)		0.6198021*** (0.1070754)				
Phân cấp chi NS tỉnh (ExpPrGdp)			2.211062** (0.9852754)			
Phân cấp thu NS tỉnh (VimPro)				0.2758595 (0.1955953)		
Phân cấp chi NS huyện (ExpDisGdp)					-0.8992398 (1.177662)	
Phân cấp thu NS huyện (VimDis)						1.835393*** (0.5933326)
Năng động của CQĐP (ProAct)	0.0816215* (0.0608732)	0.1344129*** (0.032417)	0.2071644*** (0.0393281)	0.1862383*** (0.0411965)	0.1825815*** (0.0396856)	0.1691276*** (0.0409226)
Vốn đầu tư tư nhân (CapGdp)	-0.8667119 (1.193621)	-0.2548521 (0.5905757)	-0.3883251 (0.720219)	-0.0578744 (0.6477525)	-0.0200105 (0.7000814)	-0.1784043 (0.658018)
Dân số (PoPro)	0.0000219 (0.000178)	0.0000261 (0.0000535)	0.0001285** (0.0000651)	0.0000652 (0.000091)	0.0000934 (0.0000787)	0.0000609 (0.0000891)
Dân trí (Literacy)	-0.0088041 (0.0565874)	0.0293672*** (0.009181)	0.0710803*** (0.0186654)	0.0459315*** (0.010713)	0.0434356*** (0.0143767)	0.037746*** (0.0112752)
Model	FE-robust	RE-robust	RE-robust	RE-robust	RE-robust	RE-robust
N	296	285	277	276	284	274
R2	0.1505	0.6436	0.1231	0.1079	0.1167	0.129

*Ghi chú: *: ý nghĩa thống kê 10%; **: ý nghĩa thống kê 5%; ***: ý nghĩa thống kê 1%.*

Bảng 3: Tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến dịch vụ y tế

	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi (Imr)					
	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Phân cấp chi NSĐP (ExpGdp)	-2.639909* (3.568552)					
Phân cấp thu NSĐP (Vim)		-0.7859392 (0.7168766)				
Phân cấp chi NS tỉnh (ExpPrGdp)			-0.226519 (10.23039)			
Phân cấp thu NS tỉnh (VimPro)				-0.4199304 (1.201901)		
Phân cấp chi NS huyện (ExpDisGdp)					-24.75914* (12.54908)	
Phân cấp thu NS huyện (VimDis)						-1.312331 (3.616656)
Năng động của CQĐP (ProAct)	0.0579259 (0.181113)	0.0999457 (0. 1791103)	0.0512126 (0.1888649)	0.0510219 (0.188494)	0.0246998 (0. 1872832)	0.0522642 (0. 1909784)
Vốn đầu tư tư nhân (CapGdp)	-10.06205 (6.422786)	-7.733012** (5.214321)	-10.11608 (6.842907)	-10.03519 (6.571315)	-9.396256 (5.644063)	-10.36213 (6.695028)
Dân số (PoPro)	-0.0076076*** (0.002566)	-0.0078923** (0. 0029025)	-0.0076516*** (0.0026435)	-0.009054*** (0.0029949)	-0.0075274*** (0. 002360)	-0.0094766** (0. 0038392)
Dân trí (Literacy)	-0.1991141 (0.159772)	-0.2031758 (0. 1218441)	-0.2418739 (0.1517867)	-0.2380727* (0.1392712)	-0.2218499 (0. 1405707)	-0.2312142 (0. 1383893)
Model	FE- robust	FE- robust	FE- robust	FE- robust	FE- robust	FE- robust
N	243	234	229	228	233	226
R2	0.1791	0.6252	0.2222	0.2124	0.0740	0.1769

*Ghi chú: *: ý nghĩa thống kê 10%; **: ý nghĩa thống kê 5%; ***: ý nghĩa thống kê 1%.*

Bảng 4: Tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến chi phí không chính thức

	Chi phí không chính thức (CostInf)					
	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
Phân cấp chi NSĐP (ExpGdp)	-0.8692069*** (0.2420936)					
Phân cấp thu NSĐP (Vim)		-0.1156088 (0.0732326)				
Phân cấp chi NS tỉnh (ExpPrGdp)			-1.1965** (0.4656856)			
Phân cấp thu NS tỉnh (VimPro)				0.1042493 (0.1265034)		
Phân cấp chi NS huyện (ExpDisGdp)					-1.966919*** (0.6306723)	
Phân cấp thu NS huyện (VimDis)						0.5157696 (0.361703)
Năng động của CQĐP (ProAct)	0.1830012*** (0.0280555)	0.2193286*** (0.0313005)	0.1872941*** (0.028294)	0.1877067*** (0.029596)	0.169774*** (0.0286353)	0.1832186*** (0.0295846)
Vốn đầu tư tư nhân (CapGdp)	-0.3799347 (0.358225)	-0.6168737* (0.3664884)	-0.3160221 (0.3788804)	-0.6101084* (0.3643871)	-0.3260261 (0.3647066)	-0.6521761* (0.3645791)
Dân số (PoPro)	-0.0001338*** (0.0000401)	-0.0000841** (0.000042)	-0.0000834* (0.0000441)	-0.0001028** (0.0000482)	-0.0001086*** (0.000041)	-0.0001288*** (0.0000449)
Dân trí (Literacy)	-0.0056285 (0.0075767)	0.0152616** (0.0066039)	0.0006446 (0.0074229)	0.01097* (0.0063967)	-0.0045095 (0.00795)	0.0098604 (0.0065724)
Model	POSL	POSL	POSL	POSL	POSL	POSL
N	296	285	277	276	284	284
R2	0.2072	0.1717	0.1755	0.1656	0.1867	0.1745

*Ghi chú: *: ý nghĩa thống kê 10%; **: ý nghĩa thống kê 5%; ***: ý nghĩa thống kê 1%.*

cũng có quan hệ tỷ lệ nghịch với tỷ suất chết của trẻ: các địa phương có dân số đông có điều kiện cung cấp dịch vụ y tế tốt và tỷ suất chết của trẻ thấp hơn so với các địa phương ít dân cư. Các biến còn lại không có tác động đến tỷ suất chết của trẻ dưới 1 tuổi.

5.2.2. Tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến thể chế

Tác động đến chi phí không chính thức

Kết quả hồi qui cho thấy: chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện đều có tác động âm đến chi phí không chính thức với hệ số lần lượt là 0,869, 1,196 và 1,966. Điều này cho thấy phân cấp chi ngân sách nhiều hơn cho các cấp chính quyền địa phương sẽ làm gia tăng chi phí không chính thức hay làm tăng cơ hội để xảy ra tham nhũng ở địa phương. Mức độ tự chủ của ngân sách cấp huyện không có tác động đến chỉ số chi phí không chính thức của các địa phương.

Mức độ năng động của chính quyền địa phương có tác động dương trong khi các biến về dân số và mức độ đầu tư ngoài nhà nước theo GDP địa phương có tác động âm đến chỉ số chi phí không chính thức. Điều này cũng phù hợp với lý thuyết và kỳ vọng đã nêu là dân cư càng đông và nhu cầu đầu tư càng cao thì cơ hội nảy sinh tham nhũng càng nhiều.

Tác động đến tiếp cận và sở hữu đất đai

Phân cấp quản lý thu, chi ngân sách địa phương và phân cấp chi ngân sách cấp tỉnh đều có tác động âm đến chỉ số tiếp cận và sở hữu đất đai, trong khi các biến còn lại của phân cấp ngân sách không có tác động đến chỉ số tiếp cận và sở hữu đất đai. Năng động của chính quyền địa phương có tác động dương đến chỉ số tiếp cận và sở hữu đất đai và dân số có tác động âm đến chỉ số này. Điều này cho thấy, khi phân cấp ngân sách cho chính quyền địa phương nhiều hơn thì cơ hội tiếp cận và sở hữu đất đai của các doanh nghiệp bị giảm đi và đây là vấn đề đáng quan tâm vì đất đai là một trong các yếu tố đầu vào quan trọng nhất đối với các doanh nghiệp.

Tác động đến tính minh bạch trong quản lý

Trong quá trình cải cách hành chính hơn 10 năm qua, Việt Nam đã nỗ lực cải thiện tính minh bạch trong các hoạt động quản lý nhà nước với quan điểm: minh bạch là yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước. Kết quả hồi qui cho thấy phân cấp thu ngân sách địa phương và phân cấp thu ngân sách huyện có tác động đương đến minh

Bảng 5: Tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến tiếp cận và sở hữu đất đai

	Tiếp cận và sở hữu đất đai (LandAccess)					
	(19)	**(20)**	**(21)**	**(22)**	**(23)**	**(24)**
Phân cấp chi NSĐP (ExpGdp)	-1.015439*** (0.3739756)					
Phân cấp thu NSĐP (Vim)		-0.3332219*** (0.1084304)				
Phân cấp chi NS tỉnh (ExpPrGdp)			-3.533236*** (0.7165678)			
Phân cấp thu NS tỉnh (VimPro)				0.2919629 (0.1868478)		
Phân cấp chi NS huyện (ExpDisGdp)					-0.9379475 (1.015015)	
Phân cấp thu NS huyện (VimDis)						-0.3772138 (0.48944)
Năng động của CQĐP (ProAct)	0.18939*** (0.0376918)	0.2333233*** (0.0388776)	0.1962045*** (0.0366455)	0.2044903*** (0.0395129)	0.1958553*** (0.0396839)	0.2174272*** (0.0396583)
Vốn đầu tư tư nhân (CapGdp)	-0.6573059 (0.5371635)	-0.8188772 (0.5170675)	-0.4367214 (0.5174659)	-0.9445579* (0.5540794)	-0.8241852 (0.5694219)	-0.9125742* (0.5532315)
Dân số (PoPro)	-0.0002167*** (0.0000707)	-0.0001345** (0.000067)	-0.0002378*** (0.0000671)	-0.0002333*** (0.0000791)	-0.0001932** (0.0000755)	-0.000198*** (0.0000754)
Dân trí (Literacy)	-0.0160521 (0.0124099)	0.013473 (0.010472)	-0.0291135** (0.0115673)	-0.0013891 (0.0113502)	-0.0066731 (0.0138332)	0.0059929 (0.0113905)
Model	RE	RE	RE	RE	RE	RE
N	296	285	277	276	284	274
R2	0.3877	0.4605	0.4794	0.3431	0.3423	0.3408

*Ghi chú: *: ý nghĩa thống kê 10%; **: ý nghĩa thống kê 5%; ***: ý nghĩa thống kê 1%.*

Bảng 6: Tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến tính minh bạch trong quản lý

	Minh bạch (Transp)					
	(25)	**(26)**	**(27)**	**(28)**	**(29)**	**(30)**
Phân cấp chi NSĐP (ExpGdp)	-0.151281 (0.4140886)					
Phân cấp thu NSĐP (Vim)		0.1860697** (0. 0950709)				
Phân cấp chi NS tỉnh (ExpPrGdp)			-0.438805 (0.9703166)			
Phân cấp thu NS tỉnh (VimPro)				-0.575413** (0. 2566395)		
Phân cấp chi NS huyện (ExpDisGdp)					-0.682073 (0. 9605202)	
Phân cấp thu NS huyện (VimDis)						0.990123** (0. 4485514)
Năng động của CQĐP (ProAct)	0.2948689*** (0.0363645)	0.2889023*** (0. 0387497)	0.2999663*** (0.0372309)	0.2317214*** (0. 0519841)	0.2987641*** (0. 0371821)	0.2909367*** (0. 0369406)
Vốn đầu tư tư nhân (CapGdp)	0.1718692 (0.9291024)	0.0839968 (0. 8946222)	0.1417674 (0.9399003)	1.362696 (1.125256)	0.1144129 (0. 9069369)	0.0039316 (0. 8909836)
Dân số (PoPro)	0.0001386*** (0.0000489)	0.000122** (0. 0000497)	0.000152*** (0.0000474)	0.0001631** (0. 0000621)	0.0001394*** (0. 0000504)	0.0001347** (0. 0000558)
Dân trí (Literacy)	0.0172311 (0.0148997)	0.0154406 (0. 0115542)	0.0152902 (0.0154357)	0.0204797 (0. 03297773)	0.0137805 (0. 0159568)	0.0118923 (0. 0110408)
Model	RE- robust	RE- robust	RE- robust	FE- robust	RE- robust	RE- robust
N	296	274	277	276	284	274
R2	0.4249	0.4670	0.4471	0.1707	0.4548	0.4657

*Ghi chú: *: ý nghĩa thống kê 10%; **: ý nghĩa thống kê 5%; ***: ý nghĩa thống kê 1%.*

bạch, trong khi phân cấp thu ngân sách tỉnh nhiều hơn sẽ làm giảm minh bạch trong hoạt động quản lý của chính quyền địa phương.

5.2.3. Tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến hiệu suất bộ máy hành chính

Hiệu suất bộ máy hành chính được phản ánh qua chi phí thời gian mà các doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các dịch vụ hành chính công ở địa phương. Phân cấp chi ngân sách cấp tỉnh có tác động âm đến chi phí thời gian. Điều này phản ánh các địa phương chưa có sự cải thiện về chất lượng và số lượng các đầu ra của bộ máy hành chính tương xứng với mức độ phân cấp các nhiệm vụ chi. Phân cấp thu ngân sách cấp tỉnh có tác động dương đến chi phí thời gian ủng hộ cho luận điểm mức độ tự chủ ngân sách của chính quyền địa phương càng cao thì hiệu suất của bộ máy hành chính chính quyền địa phương càng gia tăng.

6. Kết luận và khuyến nghị về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước ở Việt Nam

Thứ nhất, kết quả ước lượng các mô hình cho thấy phân cấp chi ngân sách địa phương có tác động tích cực đến cung cấp dịch vụ công của chính quyền địa phương và ủng hộ giả thuyết 1a. Tuy nhiên, ở cấp huyện, mức độ phân cấp chi cho ngân sách cấp huyện sẽ có tác động khác nhau đến các dịch vụ giáo dục và y tế: gia tăng phân cấp chi ngân sách cấp huyện có tác động tích cực đến cung ứng dịch vụ y tế nhưng lại không có tác động đến đào tạo lao động của địa phương. Điều này cho thấy: cần cân nhắc khi phân cấp quản lý ngân sách nhà nước cho chính quyền cấp huyện nhằm đảm bảo cung cấp tốt hơn các dịch vụ công. Phân cấp nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công cho chính quyền cấp huyện cần chú ý đến đặc điểm của từng nhiệm vụ. Chỉ nên giao cho chính quyền cấp huyện cung cấp các dịch vụ công không có lợi thế về qui mô và không tạo ngoại ứng.

Thứ hai, kết quả của các mô hình cũng đều cho thấy phân cấp chi ngân sách địa phương nói chung, ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách cấp huyện nói riêng có tác động tiêu cực đến thực thi thể chế ở chính quyền địa phương qua hai biến đại diện là chi phí không chính thức và khả năng tiếp cận, sở hữu đất đai của doanh nghiệp. Kết quả này cũng phù hợp với giả thuyết 1b và cho thấy khả năng kiểm soát của chính quyền cấp trên đối với chính quyền cấp dưới sẽ không theo kịp khi qui mô chi tiêu gia tăng.

Bảng 7: Tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến chi phí thời gian

	Chi phí thời gian (Time)					
	(31)	**(32)**	**(33)**	**(34)**	**(35)**	**(36)**
Phân cấp chi NSĐP (ExpGdp)	-0.5770655 (0.3949402)					
Phân cấp thu NSĐP (Vim)		0.1674 (0.1171171)				
Phân cấp chi NS tỉnh (ExpPrGdp)			-1.673939** (0.754684)			
Phân cấp thu NS tỉnh (VimPro)				0.520601** (0.2034152)		
Phân cấp chi NS huyện (ExpDisGdp)					-1.15546 (1.033073)	
Phân cấp thu NS huyện (VimDis)						0.4449868 (0.5910677)
Năng động của CQĐP (ProAct)	0.2032597*** (0.0457684)	0.1822459*** (0.0500572)	0.2132454*** (0.0458529)	0.1863026*** (0.0475898)	0.2170369*** (0.0469061)	0.210725*** (0.0483449)
Vốn đầu tư tư nhân (CapGdp)	1.015963 (0.5843916)	0.8786416 (0.5861059)	1.412018** (0.6140086)	1.00236* (0.585928)	1.151452** (0.5974075)	0.9853729 (0.5957675)
Dân số (PoPro)	-0.0000191 (0.0000654)	-0.0000293 (0.0000672)	-0.0000551 (0.0000714)	0.0000812 (0.0000776)	-0.0000396 (0.0000672)	-0.0000344* (0.0000733)
Dân trí (Literacy)	0.0382839*** (0.0123602)	0.0432087*** (0.0105613)	0.0343804*** (0.0120295)	0.0415744*** (0.0102857)	0.0412003*** (0.0130224)	0.0470281*** (0.0107401)
Model	POLS	POLS	POLS	POLS	POLS	POLS
N	296	285	277	276	284	274
R2	0.1521	0.1434	0.1651	0.1702	0.1628	0.1519

*Ghi chú: *: ý nghĩa thống kê 10%; **: ý nghĩa thống kê 5%; ***: ý nghĩa thống kê 1%.*

Điều này sẽ tạo cơ hội cho tham nhũng xuất hiện. Tuy nhiên, kết quả thực nghiệm không cho thấy sự ủng hộ đối với giả thuyết 1c.

Thứ ba, Kết quả của các mô hình hồi qui cũng cho thấy tác động tích cực của mức độ tự chủ ngân sách các cấp đến các chỉ số quản trị nhà nước của chính quyền địa phương là khác nhau. Mức độ tự chủ ngân sách có tác động thuận chiều với cung cấp dịch vụ công và ủng hộ giả thuyết 2a. Kết quả về tác động của tự chủ ngân sách đến thực thi thể chế và hiệu suất hành chính của chính quyền địa phương không ủng hộ giả thuyết 2b. Mức độ tự chủ ngân sách của các cấp chính quyền có tác động tích cực đến hiệu suất hành chính của chính quyền địa phương phù hợp với giả thuyết 2c.

Từ các kết luận trên đây, chúng tôi xin nêu ra một số khuyến nghị về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước ở Việt Nam như sau:

Một là, với điều kiện hiện tại của Việt Nam, để phát huy hiệu quả của việc phân cấp chi ngân sách cho chính quyền địa phương, ngoài việc chú ý đến gia tăng qui mô chi tiêu phù hợp cho các cấp chính quyền địa phương, cần chú ý đến tính hợp lý của các mục chi khi giao cho chính quyền địa phương thực hiện.

Hai là, có thể giao nhiệm vụ chi nhiều hơn cho chính quyền cấp huyện trong việc thực hiện cung cấp các dịch vụ công không có lợi thế về qui mô và không tạo ra ngoại ứng, tuy nhiên cần xem xét đến mức độ phù hợp giữa nhiệm vụ chi được giao với ưu tiên của chính quyền cấp dưới.

Ba là, để cải thiện tình trạng mất cân bằng ngân sách theo chiều dọc, cần phân cấp nguồn thu phù hợp với nhiệm vụ chi được giao, hoặc giảm bớt các trách nhiệm chi tiêu cho chính quyền địa phương bằng cách chuyển giao lại cho chính quyền cấp trên mà hiệu quả không giảm sút, hoặc thực hiện đồng thời cả hai hướng.

Bốn là, gia tăng tính tự chủ ngân sách cho chính quyền địa phương bằng cách trao cho chính quyền địa phương nhiều hơn về thẩm quyền quyết định đối với nguồn thu được giao.

Năm là, để khắc phục và hạn chế hiện tượng tham nhũng trong quản lý chi tiêu ngân sách nhà nước, và để hạn chế các tác động không mong muốn của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến việc thực thi thể chế và hiệu suất hành chính, Chính phủ cần có cơ chế đánh giá, kiểm soát chi tiêu ngân sách nhà nước mạnh hơn, đặc biệt là chi tiêu ở các cấp chính quyền địa phương.❐

Tài liệu tham khảo

Adam, A., Delis, M. D., & Kammas, P. (2008), 'Fiscal decentralization and public sector efficiency: Evidence from OECD countries', *CESifo Working Paper No 2364*, https://ideas.repec.org/p/ces/ceswps/_2364.html

Bardhan, P. & D. Mookherjee (1998), 'Expenditure decentralization and the delivery of public services in developing countries', *Working paper No. C98-104*, Berkeley: Centre for International and Development Economics Research, http://people.bu.edu/dilipm/wkpap/expdec98orig.pdf

Brennan, G. & Buchanan, J. M. (1980), *The Power to Tax: Analytical Foundations of a Fiscal Constitution*, Liberty fund, Inc, 8335 Allison Pointe Trail, Suite 300 Indianapolis, IN 46250-1684, http://lf-oll.s3.amazonaws.com/titles/2114/0102-09_LFeBk.pdf

Breusch T. S. & Pagan A. R., (1980), 'The Lagrange Multiplier Test and its application to Model specification in Econometrics', *The Review of Economic Studies*, 47(1), Econometrics Issue (Jan., 1980), 239-253.

Estache, A. & S. Sinha. (1995), 'Does Decentralization Increase Spending on Public Infrastructure?', *Policy Research Working Paper Series. No. 1457*, Washington, DC: World Bank.

Fisman, R. & R. Gatti. (2002), 'Decentralization and Corruption: Evidence across Countries', *Journal of Public Economics*, 83(3), 325–345.

Hausman, Jerry (1978), 'Specification tests in econometrics', *Econometrica*, 46(6), 1251-71

Huther, J. & A. Shah (1998), 'Applying a Simple Measure of Good Governance to the Debate of Fiscal Decentralization', *World Bank Policy Research Working Paper Series, No. 1894.*

Jorge Martinez-Vazquez & Ming-Hung Yao (2009), 'Fiscal Decentralization and Public Sector Employment: A Cross-Country Analysis', International Center for Public Policy Working Paper Series, at AYSPS, GSU paper 0903, International Center for Public Policy, Andrew Young School of Policy Studies, Georgia State University.

Khaleghian, Peyvand (2003), 'Decentralization and Public Services: The Case of Immunization', *World Bank Policy Research Working Paper 2989.*

Oates, Wallace E. (1999), 'An Essay on Fiscal Federalism', *Journal of Economic Literature,* 37(3), 1120–1149.

Oates, Wallace E. (2005), *Toward A Second-Generation Theory of Fiscal Federalism*, International Tax and Public Finance, Springer Science and Business Media, Inc.

Seabright, P. (1996), 'Accountability and Decentralization in Government: An Incomplete Contracts Model', *European Economic Review*, 40(1), 61–89.

Tanzi (1995), *Fiscal Federalism and Decentralization: A Review of Some Efficiency and Macroeconomic Aspects*, Annual World Bank Conference on Development Economics, pp. 295-316.

Tibout, Charles M. (1956), 'A pure theory of public expenditure', *The Journal of political Economy*, 64(5), 416-524, https://www.unc.edu/~fbaum/teaching/PLSC541_Fall08/tiebout_1956.pdf.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Thị Bất,** Phó giáo sư, tiến sỹ*

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Ngân hàng – Tài chính, Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Các vấn đề về tài chính công, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Ngân hàng.

- Một số tạp chí mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển; Vietnam Economic Review; Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán; Tạp chí Tài chính; Tạp chí Ngân hàng

- Địa chỉ Email: dongktqd@fpt.vn

***Nguyễn Xuân Thu,** Thạc sỹ, nghiên cứu sinh*

- Tổ chức tác giả công tác: Học viện Hành chính Quốc gia

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Ngân sách nhà nước, Quản lý nhà nước

- Một số tạp chí mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển; Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán; Tạp chí Tài chính; Tạp chí Quản lý Hành chính Nhà nước

- Địa chỉ Email: napathu@yahoo.com